

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 138-CV/BTGTU

*về việc gửi Tài liệu “Một số thông tin,
thời sự nổi bật trong nước và quốc tế
thời gian gần đây”*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Kính gửi:

- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo cáo viên Trung ương của tỉnh;
- Báo cáo viên Tỉnh ủy;

Nhằm cung cấp thông tin, phục vụ công tác tuyên truyền miệng trên địa bàn tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổng hợp, biên soạn Tài liệu “*Một số thông tin, thời sự nổi bật trong nước và quốc tế thời gian gần đây*” (có Tài liệu gửi kèm theo).

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chuyển Tài liệu đến đội ngũ Báo cáo viên, Tuyên truyền viên của Đảng để nghiên cứu, triển khai thông tin tuyên truyền (*Lưu ý: Tài liệu lưu hành nội bộ*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Thông tin- Tổng hợp;
- Lưu VT BTGTU.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Bùi Thị Vui

MỘT SỐ THÔNG TIN, THỜI SỰ NỘI BẬT TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ THỜI GIAN GẦN ĐÂY

I. MỘT SỐ THÔNG TIN, THỜI SỰ TRONG NƯỚC

1. Kinh tế - xã hội năm 2026 đạt nhiều kết quả, dự kiến đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu chủ yếu

Theo báo cáo của Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng trình bày tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI, năm 2026, mặc dù tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược gay gắt, xung đột và biến động giá cả tác động đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, Việt Nam vẫn đạt nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện, dự kiến đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu. Đây là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, có ý nghĩa tạo nền tảng, tạo đà cho giai đoạn phát triển mới.

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức cao. GDP 9 tháng tăng 9,01%, riêng quý III tăng 9,95%; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 9 tháng tăng 4,52%. Thu ngân sách nhà nước cả năm ước đạt 3,06 triệu tỷ đồng, tăng 14%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm dự kiến đạt 1.110 tỷ USD, lần đầu tiên vượt mốc 1.000 tỷ USD; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký đạt 50,36 tỷ USD, tăng 76,4%. Giải ngân đầu tư công đạt gần 643 nghìn tỷ đồng, bằng 63% kế hoạch. Các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ tiếp tục phát triển; khách quốc tế đạt 17,7 triệu lượt, tăng 14,5%.

Công tác hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính và sắp xếp tổ chức bộ máy tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực phát triển. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính giảm 53%, chi phí tuân thủ giảm 55%. Kết cấu hạ tầng chiến lược được quan tâm đầu tư; trong năm hoàn thành thêm 395 km đường bộ cao tốc, đồng thời tập trung xử lý các dự án tồn đọng, kéo dài. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có chuyển biến tích cực; Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam xếp thứ 43/139 quốc gia, tăng một bậc so với năm trước.

Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế và an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm; đời sống Nhân dân từng bước cải thiện. Ước tính năm 2026, khoảng 97% người dân được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,5%. Quốc phòng, an ninh được củng cố; đối ngoại và hội nhập quốc tế triển khai toàn diện, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và nâng cao vị thế đất nước.

Bên cạnh kết quả đạt được, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như áp lực lạm phát, tỷ giá và lãi suất; khả năng huy động nguồn lực xã hội còn hạn chế; việc tiếp cận đất đai, tín dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa còn khó khăn. Một số vấn đề về giáo dục, y tế, môi trường, ùn tắc giao thông, ngập úng và an ninh mạng cần tiếp tục được tập trung giải quyết.

Những tháng cuối năm 2026, Chính phủ xác định tiếp tục điều hành linh hoạt, hiệu quả các chính sách kinh tế vĩ mô; bảo đảm nguồn cung điện, xăng dầu; thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công, thu hút đầu tư tư nhân và FDI, tháo gỡ khó khăn cho các dự án tồn đọng. Đồng thời, đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chăm lo đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

Mục tiêu xuyên suốt là phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, hướng tới tăng trưởng hai con số gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

2. Khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam phát triển theo chiều sâu, tạo giá trị thực chất

Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam đang có bước phát triển tích cực cả về quy mô, chất lượng và vị thế quốc tế. Trong giai đoạn mới, trọng tâm được chuyển từ hỗ trợ theo phong trào sang phát triển những doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có năng lực công nghệ, khả năng thương mại hóa sản phẩm, huy động nguồn lực và sức cạnh tranh trên thị trường. Đây là hướng đi phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế.

Theo Báo cáo Chỉ số Hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu năm 2026 của Tổ chức StartupBlink, năm 2025, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam tăng 5 bậc, lên vị trí thứ 50 toàn cầu, mức thứ hạng cao nhất của Việt Nam kể từ khi bảng xếp hạng được công bố. Đáng chú ý, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam đạt mức tăng trưởng 67,9%, cao hơn đáng kể mức trung bình 17,5% của 100 hệ sinh thái hàng đầu thế giới; đồng thời là mức tăng trưởng cao nhất tại Đông Nam Á và thuộc nhóm có tốc độ tăng trưởng cao ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Việt Nam đứng thứ 5 tại Đông Nam Á và thứ 10 tại châu Á; riêng lĩnh vực công nghệ tài chính (Fintech), Việt Nam xếp thứ 39 toàn cầu và thứ 9 tại châu Á - Thái Bình Dương.

Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo cũng từng bước hình thành mạng lưới các trung tâm tại nhiều địa phương. Năm 2025, có 4 thành phố của Việt Nam lọt vào top 1.000 hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo toàn cầu, gồm: Thành phố Hồ Chí Minh xếp hạng 98, Hà Nội xếp hạng 118, Đà Nẵng xếp hạng 554 và Hải Phòng xếp hạng 765. Cùng với sự cải thiện về vị thế, nguồn vốn đầu tư vào hệ sinh thái cũng tăng. Năm 2025, vốn đầu tư mạo hiểm vào Việt Nam đạt 509 triệu USD qua 103 thương vụ, tăng 28% so với năm 2024. Tổng vốn tư nhân, bao gồm cả vốn cổ phần tư nhân, đạt khoảng 4,5 tỷ USD qua 149 thương vụ, gần gấp đôi mức 2,255 tỷ USD của năm 2024.

Những kết quả trên phản ánh sự tham gia ngày càng rộng của các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, gồm doanh nghiệp khởi nghiệp, nhà đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo, viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia, cố vấn và các mạng lưới hỗ trợ trong nước, quốc tế. Tuy nhiên, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới không chỉ là gia tăng số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp mà quan trọng hơn là nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng tạo ra giá trị thực chất.

Một dấu mốc quan trọng là Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 05/4/2026 về Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo. Chiến lược nhấn mạnh tinh thần khởi nghiệp sáng tạo toàn dân, hướng tới việc mọi công dân đều có khát vọng và có thể khởi nghiệp bằng sự sáng tạo trong nhiều lĩnh vực, trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo định hướng này, khởi nghiệp sáng tạo không chỉ giới hạn ở một nhóm đối tượng mà trở thành hoạt động rộng rãi của người dân, tổ chức; trong đó công nghệ là nền tảng và công cụ quan trọng để hình thành các mô hình, sản phẩm và giải pháp mới.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, trọng tâm là tiếp tục tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo môi trường thuận lợi và tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp. Trong đó, cần hoàn thiện hành lang pháp lý, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên môi trường số, nghiên cứu và thí điểm các cơ chế đặc thù khuyến khích tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám thử nghiệm. Một số hướng được đặt ra như mô hình “doanh nghiệp một người”, cơ chế xử lý phá sản rút gọn tạo điều kiện tái khởi nghiệp và các khu thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ mới. Cùng với đó là chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đưa giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào sâu hơn trong hệ thống giáo dục; phát triển cơ sở hạ tầng dùng chung, trung tâm đổi mới sáng tạo, không gian khởi nghiệp cộng đồng và các nền tảng số hỗ trợ khởi nghiệp.

Khởi thông nguồn vốn, mở rộng thị trường cũng là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phát triển. Theo đó,

thị trường vốn đầu tư mạo hiểm được định hướng phát triển mạnh hơn; đồng thời nghiên cứu hình thành các quỹ đầu tư ở cấp quốc gia, địa phương, doanh nghiệp và trường đại học, cũng như các cơ chế hỗ trợ tài chính và bảo lãnh tín dụng dựa trên tài sản trí tuệ.

Ngày 15/9/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2026 - 2035, chuyển trọng tâm từ hỗ trợ phong trào sang hỗ trợ theo kết quả. Chất lượng doanh nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng thương mại hóa công nghệ, huy động nguồn lực xã hội và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ trên thị trường được xác định là những tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả hỗ trợ. Các nội dung tập trung vào ươm tạo, tăng tốc, phát triển thị trường cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời hỗ trợ cá nhân, tổ chức phát triển và sử dụng các công cụ, hạ tầng số để khởi nghiệp.

Về nguồn vốn, Bộ Khoa học và Công nghệ đang nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm tại địa phương, hướng tới tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho việc huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Bộ cũng được giao nhiệm vụ thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, dự kiến đi vào vận hành vào cuối tháng 12/2026, với định hướng đóng vai trò vốn môi để huy động thêm nguồn lực tư nhân trong và ngoài nước đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định về tổ chức thị trường chứng khoán chuyên biệt cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tạo thêm cơ sở để doanh nghiệp tiếp cận và huy động vốn.

Thời gian tới, việc tiếp tục hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo có ý nghĩa quan trọng. Mục tiêu không chỉ tạo thêm số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp mà quan trọng hơn là hình thành những doanh nghiệp có năng lực công nghệ, khả năng thương mại hóa sản phẩm, mở rộng thị trường và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Qua đó, từng bước xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam phát triển thực chất, tạo ra giá trị mới và đóng góp ngày càng rõ nét vào quá trình nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam

Kinh tế tuần hoàn (KTTH) trong nông nghiệp là quá trình sản xuất nông nghiệp theo chu trình khép kín, chất thải và phế, phụ phẩm của quá trình này là đầu vào của quá trình sản xuất khác thông qua áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sinh

học, công nghệ hóa lý. Đây là hướng phát triển phù hợp nhằm sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường, phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII nhấn mạnh: *“Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe Nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, KTTH, thân thiện với môi trường”*. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm cụ thể hóa quan điểm của Đảng. Trong đó xác định: *Việt Nam hướng tới nền sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm, hiện đại, hiệu quả và bền vững; phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Mục tiêu đến năm 2030, giảm phát thải khí nhà kính 10% so với năm 2020*. Theo đó, từng bước giảm dần sức ép của phát triển kinh tế - xã hội với môi trường bằng các giải pháp, như chấm dứt lạm dụng hóa chất, nguyên vật liệu tổng hợp, khó phân hủy; tạo điều kiện tái tạo các nguồn tài nguyên cơ bản như đất, nước, năng lượng; đẩy mạnh chế biến sâu, tận dụng phụ phẩm nông sản để chủ động xử lý ô nhiễm ngay tại nguồn...

Thực tế mô hình KTTH trong nông nghiệp hay nông nghiệp tuần hoàn đã được triển khai ở nước ta và mang lại hiệu quả, tiêu biểu như:

- *Mô hình “lúa, tôm” và “lúa, cá”*: Mô hình “lúa, tôm” được áp dụng ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, trong khi mô hình “lúa, cá” được thực hiện ở các tỉnh vùng trũng, hay ngập úng ở Đồng bằng sông Hồng. Trong các mô hình này, khi nuôi tôm hoặc cá trong ruộng lúa, phân của tôm, cá và thức ăn còn dư (của tôm, cá) sẽ làm phân bón bổ sung dinh dưỡng cho cây lúa; ngược lại, khi gặt lúa xong, thả tôm (cá) vào ruộng, gốc rạ, thóc rơi vãi trở thành nguồn thức ăn cho tôm, cá. Với mô hình luân canh này, hầu như cây trồng, vật nuôi không phải dùng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh, tạo ra sản phẩm sạch và bảo vệ môi trường. Đến nay, mô hình này đang được cải biến thành mô hình “lúa thơm - tôm sạch” và “lúa thơm - cá sạch”.

- *Mô hình “vòng tuần hoàn xanh” trong các trang trại bò sữa*: Đây là mô hình chăn nuôi được Công ty Vinamilk áp dụng để phát triển trang trại bò sữa thân thiện với môi trường. Họ xây dựng và vận hành hệ thống trang trại bò sữa theo tiêu chuẩn quốc tế (Global GAP) và tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU Organic). Các

trang trại bò sữa thực hiện quy trình chăn nuôi khép kín, từ làm đất, trồng cỏ, chăm sóc bò đến xử lý chất thải để tạo “*vòng tuần hoàn xanh*”. Nhờ công nghệ biogas, chất thải gia súc được xử lý để tiếp tục bón cho đồng cỏ, cải tạo đất và một phần khác được biến đổi thành khí metan dùng để đun nước nóng dùng cho hoạt động của trang trại. Việc tái tạo và tái sử dụng năng lượng vừa mang lại hiệu quả về kinh tế, vừa giảm thiểu đáng kể lượng phát thải khí cacbon, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Mô hình trồng lúa - trồng nấm - sản xuất phân hữu cơ - trồng cây ăn quả*: Được phổ biến ở khắp các tỉnh, thành trong cả nước. Mô hình này tận dụng nguyên liệu từ phụ phẩm rơm rạ trong trồng lúa để trồng nấm, bã rơm rạ sau khi thu hoạch nấm được tận dụng để bón cho cây trồng (cây ăn quả, rau màu) rất tốt.

- *Mô hình sản xuất tổng hợp bò - trùn quế - cỏ/ngô - gia súc, gia cầm - cá*: Mô hình tận dụng phụ phẩm chăn nuôi (phân) để nuôi trùn quế; lấy phân trùn quế bón cỏ/ngô; trùn quế làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, cá, đem lại hiệu quả kinh tế cao, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

- *Mô hình chăn nuôi an toàn sinh học 4F (Farm - Food - Feed - Fertilizer: Trồng trọt - Thực phẩm - Chăn nuôi - Phân bón)*: Mô hình là chu trình sản xuất khép kín, gồm: Chăn nuôi lợn hữu cơ, sản xuất các chế phẩm sinh học, sản xuất thức ăn chăn nuôi hữu cơ và sản xuất phân bón vi sinh. Chất thải trong trang trại được thu gom và xử lý để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh phục vụ trồng trọt, tạo thành quy trình sản xuất nông nghiệp khép kín từ chăn nuôi đến trồng trọt, từ cây đến đất.

- *Mô hình vườn - ao - chuồng (VAC)*: Vườn là hoạt động trồng trọt, ao là nuôi trồng thủy sản và chuồng là chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các hộ gia đình, gia trại, trang trại. VAC đã tạo ra một mô hình sản xuất nông nghiệp tổng hợp, gắn kết trồng trọt với chăn nuôi, hạn chế chất thải, thuận theo tự nhiên và hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của KTTH. Sau này, mô hình VAC đã được cải tiến phù hợp với trình độ phát triển của sản xuất nông nghiệp, cũng như điều kiện sinh thái của từng vùng lãnh thổ trên cả nước, đó là: Vườn - ao - chuồng - bioga (VACB); vườn - ao - chuồng - rừng (VACR) ở các tỉnh miền núi; vườn - ao - hồ (VAH) ở các tỉnh miền Trung. Thực hiện mô hình nông nghiệp này vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao, vừa giúp giảm phát thải khí nhà kính.

Tuy nhiên, việc triển khai các mô hình KTTH trong nông nghiệp tại nước ta vẫn đang còn ở mức khiêm tốn; các mô hình tái chế và tận thu phế phụ phẩm trong nông nghiệp còn chưa phát triển. Xuất phát từ những nguyên nhân chính sau: (i) Nhận thức của các cá nhân hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp về KTTH nói

chung, nông nghiệp tuần hoàn nói riêng chưa đầy đủ. (ii) Còn hạn chế về hành lang pháp lý cho phát triển KTTH nói chung và KTTH trong ngành nông nghiệp nói riêng. (iii) Thiếu bộ tiêu chí để nhận diện, phân loại và đánh giá mức độ phát triển của nông nghiệp tuần hoàn. (iv) Hạn chế nguồn lực để thực hiện chuyển đổi sang phát triển nông nghiệp tuần hoàn...

Để đẩy mạnh phát triển KTTH trong nông nghiệp, các cấp, các ngành tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và hướng dẫn cụ thể cho các chủ thể; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện; xây dựng bộ tiêu chí nhận diện, phân loại, đánh giá mức độ phát triển; huy động nguồn lực về nhân lực, công nghệ, tài chính; xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu, mô hình mẫu, tăng cường học hỏi kinh nghiệm và hợp tác quốc tế; đồng thời phát triển thị trường đầu ra và có cơ chế ưu đãi đối với sản phẩm từ các mô hình KTTH nhằm tạo động lực cho người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp tham gia.

4. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa: Khâu đột phá góp phần thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Trong quá trình phát triển đất nước, văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội mà ngày càng trở thành nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa được xác định là một hướng đi quan trọng nhằm phát huy giá trị văn hóa, sức sáng tạo của con người Việt Nam, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh, góp phần thực hiện khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Công nghiệp văn hóa là những ngành sản xuất các sản phẩm, dịch vụ mang tính nghệ thuật, sáng tạo, khai thác các giá trị văn hóa và nguồn lực trí tuệ để tạo ra giá trị kinh tế, đồng thời đáp ứng nhu cầu tinh thần của xã hội. Trên thế giới, công nghiệp văn hóa đang diễn ra mạnh mẽ, từng bước trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế. Đối với Việt Nam, đây là lĩnh vực có nhiều tiềm năng, lợi thế nhờ bề dày lịch sử, truyền thống văn hóa phong phú và bản sắc của 54 dân tộc. Hệ thống di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di tích, lễ hội, làng nghề, nghệ thuật dân gian, ẩm thực, phong tục, tập quán... là nguồn chất liệu phong phú để sáng tạo những sản phẩm văn hóa đặc sắc, vừa góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc dân tộc, vừa tạo ra giá trị kinh tế. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực dồi dào, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ và nghệ nhân ở nhiều lĩnh vực là điều kiện quan trọng để phát triển công nghiệp văn hóa.

Nhận thức rõ vai trò của công nghiệp văn hóa, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng: Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày

09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đề ra mục tiêu: “*Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam*”; Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, khẳng định các ngành công nghiệp văn hóa là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân và chỉ rõ 12 lĩnh vực gồm: *quảng cáo; kiến trúc; phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; thiết kế; điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; truyền hình và phát thanh; du lịch văn hóa*. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục yêu cầu khẩn trương phát triển có trọng tâm, trọng điểm các ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam...

Những năm qua, công nghiệp văn hóa nước ta từng bước phát triển, đóng góp ngày càng rõ nét vào kinh tế - xã hội. Theo báo cáo tại Hội nghị toàn quốc về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, năm 2018, 12 lĩnh vực công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 3,61% GDP; năm 2019 khoảng 6,02%; do tác động của đại dịch COVID-19, tỷ lệ này giảm còn 4,32% năm 2020 và 3,92% năm 2021, sau đó phục hồi lên khoảng 4,04% năm 2022. Giai đoạn 2018 - 2022, giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp văn hóa ước đạt 1,059 triệu tỷ đồng, tương đương 44 tỷ USD; năm 2022 có khoảng 70.321 cơ sở hoạt động liên quan đến công nghiệp văn hóa, thu hút khoảng 1,7 - 2,3 triệu lao động.

Một số lĩnh vực có bước phát triển đáng chú ý. Du lịch văn hóa từng bước phục hồi và trở thành điểm sáng, với tổng thu từ khách du lịch năm 2023 đạt trên 678 nghìn tỷ đồng; điện ảnh có tốc độ tăng trưởng khá, doanh thu phòng vé Việt Nam năm 2023 đạt khoảng 150 triệu USD; hàng thủ công mỹ nghệ duy trì kim ngạch xuất khẩu trên 1,7 tỷ USD/năm, sản phẩm đã có mặt tại 163 quốc gia và vùng lãnh thổ. Nghệ thuật biểu diễn, nhất là các loại hình nghệ thuật truyền thống và biểu diễn thực cảnh, ngày càng được khai thác để tạo ra sản phẩm văn hóa phục vụ công chúng. Những kết quả này cho thấy công nghiệp văn hóa không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn góp phần quảng bá hình ảnh, bản sắc và nâng cao sức hấp dẫn của văn hóa Việt Nam.

Tuy nhiên, sự phát triển của công nghiệp văn hóa vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Cơ chế, chính sách về huy động nguồn lực và phát triển ngành chưa thật sự đồng bộ; đầu tư còn hạn chế, chưa tập trung vào những lĩnh vực có lợi thế để hình thành sản phẩm chủ lực; nguồn nhân lực còn thiếu cả về số lượng và chất lượng. Một số sản phẩm, dịch vụ chưa khai thác đầy đủ các giá trị văn hóa đặc

trung, độc đáo của từng vùng, miền, dẫn đến giá trị gia tăng và sức cạnh tranh chưa cao.

Để công nghiệp văn hóa phát triển nhanh, bền vững, cần tạo chuyên biến mạnh mẽ từ nhận thức, tư duy đến hành động; đổi mới cách làm, khuyến khích sáng tạo và phát triển những lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách nhằm khơi thông các nguồn lực xã hội; có chính sách phù hợp về vốn, khuyến khích văn nghệ sĩ, doanh nghiệp và các chủ thể sáng tạo; tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế để tiếp thu kinh nghiệm phát triển công nghiệp văn hóa. Đồng thời, tập trung xây dựng mạng lưới doanh nghiệp sáng tạo, có thương hiệu, đủ sức cạnh tranh trong những lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh; chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng, tính độc đáo và khả năng cạnh tranh của sản phẩm văn hóa trên thị trường trong nước và quốc tế.

Phát triển công nghiệp văn hóa vì vậy không đơn thuần là phát triển một lĩnh vực kinh tế - dịch vụ, mà còn là quá trình cụ thể hóa quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Khi các giá trị văn hóa được chuyển hóa thành những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, có sức cạnh tranh, văn hóa sẽ tạo thêm việc làm, đóng góp cho tăng trưởng, đồng thời lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội. Qua đó, góp phần phát huy nội lực, củng cố sức mạnh mềm quốc gia, quảng bá hình ảnh, con người và bản sắc Việt Nam ra thế giới, đóng góp thiết thực vào mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

5. Hơn 50% người dân cả nước đã được khám sức khỏe định kỳ miễn phí

Theo thông tin từ Bộ Y tế, đến nay, hơn 50% người dân cả nước đã được khám sức khỏe định kỳ miễn phí, trong đó một số địa phương đạt tỷ lệ trên 90%. Kết quả bước đầu cho thấy công tác khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho toàn dân đang được các địa phương triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

Tiến sĩ Vương Ánh Dương, Phó Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh (Bộ Y tế) cho biết, đến nay Bộ Y tế đã nhận được báo cáo của 34 tỉnh, thành phố và đang tổng hợp các nội dung liên quan. Qua báo cáo bước đầu, các địa phương đã triển khai công tác khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho toàn dân đồng bộ, hiệu quả.

Theo số liệu thống kê của Bộ Y tế, tính đến ngày 17/8/2026, Quảng Ninh dẫn đầu về tỷ lệ người dân được khám sức khỏe với 89% dân số; tiếp đến là Đồng Tháp 83%, Lai Châu 82%, Cà Mau và Điện Biên cùng đạt 80%. Tuy nhiên, một số địa phương có tỷ lệ bao phủ còn thấp, trong đó An Giang đứng cuối với 19%.

Mục tiêu cốt lõi của hoạt động khám sức khỏe định kỳ là phát hiện sớm bệnh tật và các yếu tố nguy cơ gây bệnh. Trên cơ sở kết quả khám, những người có yếu tố nguy cơ hoặc nghi ngờ mắc bệnh được hướng dẫn đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để tiếp tục chẩn đoán, điều trị kịp thời. Đồng thời, kết quả khám góp phần bảo đảm thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý sức khỏe người dân theo vòng đời.

Để bảo đảm hoạt động khám sức khỏe thực chất, đúng mục tiêu, Bộ Y tế hướng dẫn các địa phương tổ chức khám tại những cơ sở y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện. Cơ sở tổ chức khám phải bảo đảm có đầy đủ bác sĩ các chuyên khoa như: Nội, Ngoại, Da liễu, Răng Hàm Mặt, Mắt, Tai Mũi Họng và Sản khoa. Việc chỉ định xét nghiệm cơ bản do bác sĩ trực tiếp khám quyết định, căn cứ tình trạng sức khỏe thực tế và những vấn đề chuyên môn phát hiện trong quá trình thăm khám.

Liên quan đến yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về triển khai khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc bảo đảm thực chất, hiệu quả, tiết kiệm chi phí, Bộ Y tế đang tổng hợp số lượng người dân được khám, số Sổ sức khỏe điện tử được lập và tình hình cập nhật kết quả khám sức khỏe định kỳ lên hệ thống theo tinh thần Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Cùng với đó, Bộ Y tế đang xây dựng phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu từ kết quả khám sức khỏe định kỳ cho toàn dân. Trên cơ sở kết quả khám và mô hình bệnh tật theo độ tuổi, địa bàn dân cư, ngành y tế sẽ có những định hướng, hướng dẫn tiếp theo, trong đó tập trung xây dựng hướng dẫn khám sàng lọc theo từng nhóm bệnh cụ thể.

Trong quá trình triển khai, Bộ Y tế đã có những điều chỉnh phù hợp với thực tiễn. Thay vì quy định cố định một số xét nghiệm cơ bản, việc chỉ định xét nghiệm được giao cho bác sĩ trực tiếp khám căn cứ tình trạng sức khỏe, kết quả thăm khám và yêu cầu chuyên môn đối với từng người dân. Bộ Y tế cũng không quy định một gói khám cố định bắt buộc áp dụng tại tất cả các tỉnh, thành phố; các địa phương chủ động lựa chọn danh mục khám, xét nghiệm cơ bản và có thể mở rộng thêm các xét nghiệm phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm chi phí.

Đáng chú ý, việc liên thông, kế thừa kết quả xét nghiệm nhằm hạn chế chỉ định trùng lặp, nhất là đối với người dân đang được quản lý, điều trị các bệnh mạn tính như: tăng huyết áp, đái tháo đường, được Bộ Y tế chú trọng. Tại thời điểm tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bác sĩ có thể truy cập hệ thống cơ sở dữ liệu của Bảo hiểm xã hội, ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và Sổ sức khỏe điện tử để khai thác thông tin, kết quả khám bệnh mà người dân đã có. Những kết quả lâm sàng, cận lâm sàng còn giá trị sử dụng có thể được kế thừa, qua đó hạn chế xét nghiệm trùng lặp không cần thiết, đồng thời bảo đảm tính liên tục trong theo dõi và quản lý sức khỏe người dân.

Theo Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, việc tổng hợp kết quả khám sức khỏe định kỳ, phân tích mô hình bệnh tật và hoàn thiện hướng dẫn khám sàng lọc theo nhóm bệnh sẽ là cơ sở để ngành y tế tiếp tục điều chỉnh phương thức triển khai, nâng cao chất lượng khám, phát hiện sớm bệnh tật và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong chăm sóc sức khỏe toàn dân.

6. Việt Nam tăng bậc về chỉ số đổi mới sáng tạo, xếp thứ 43/139 quốc gia, nền kinh tế

Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2026 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Việt Nam xếp thứ 43/139 quốc gia, nền kinh tế, tăng 1 bậc so với năm 2025. Tính từ năm 2016 đến nay, thứ hạng GIÍ của Việt Nam đã tăng 16 bậc, từ vị trí 59 lên vị trí 43. Việt Nam tiếp tục đứng thứ hai trong nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp và thứ ba ASEAN, sau Singapore và Malaysia. WIPO cũng ghi nhận Việt Nam là một trong 7 quốc gia thu nhập trung bình cải thiện thứ hạng nhanh nhất tính từ năm 2013 và là một trong 3 quốc gia có thành tích đổi mới sáng tạo vượt trội so với mức độ phát triển.

Đáng chú ý, nhóm chỉ số đầu ra đổi mới sáng tạo của Việt Nam tăng 2 bậc, từ vị trí 37 lên 35. Một số chỉ số có mức cải thiện rõ nét: *đơn đăng ký sáng chế theo nước xuất xứ tăng 3 bậc, lên vị trí 63; sản lượng công nghệ cao tăng 1 bậc, lên vị trí 25; mức độ phức tạp của sản xuất và xuất khẩu tăng 8 bậc, lên vị trí 44; đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo nước xuất xứ tăng 3 bậc, lên vị trí 48.* Ở nhóm thể mạnh, Việt Nam tiếp tục đứng đầu thế giới về tỷ trọng xuất khẩu công nghệ cao và tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa sáng tạo; đứng thứ ba về tỷ trọng nhập khẩu công nghệ cao, thứ năm về số lượt tải ứng dụng điện thoại di động và thứ sáu về tốc độ tăng năng suất lao động.

Kết quả trên phản ánh những chuyển biến tích cực trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhất là việc tăng nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từng bước hoàn thiện thể chế, chính sách; đồng

thời thúc đẩy sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học, từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Bên cạnh kết quả đạt được, GII 2026 cũng chỉ ra những điểm cần tiếp tục khắc phục. Đầu ra tri thức như sáng chế, công bố khoa học quốc tế chưa có nhiều cải thiện; nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế. Một số chỉ số còn ở thứ hạng thấp như chi cho giáo dục tính theo GDP đứng thứ 112; bài báo khoa học quốc tế trên PPP GDP đứng thứ 106; lao động có kiến thức trong khu vực doanh nghiệp đứng thứ 85. Đây là những vấn đề cần được tập trung giải quyết để nâng cao thực chất năng lực đổi mới sáng tạo của nền kinh tế.

Thời gian tới, Việt Nam đặt mục tiêu tiếp tục cải thiện chỉ số GII, thuộc nhóm 40 quốc gia dẫn đầu thế giới vào năm 2030 và đến năm 2045 thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo. Để đạt mục tiêu này, trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện thể chế; tăng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực cho các ngành công nghệ chiến lược; tăng cường liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; thu hút các tập đoàn lớn đầu tư vào nghiên cứu, phát triển và công nghệ cao; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp dựa trên công nghệ, tiếp nhận, hấp thụ và làm chủ công nghệ.

Kết quả GII năm 2026 tiếp tục khẳng định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng của phát triển. Việc cải thiện thứ hạng GII không chỉ được đo bằng vị trí trên bảng xếp hạng mà quan trọng hơn là phải chuyển hóa năng lực đổi mới sáng tạo thành năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

7. Chính phủ giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê giai đoạn 2026 – 2030

Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Gia Túc đã ký ban hành Nghị quyết số 303/NQ-CP ngày 30/9/2026 về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030. Đây là bước triển khai nhằm đẩy mạnh thực hiện Đề án “*Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030*”.

Nghị quyết đặt mục tiêu đến năm 2030 phấn đấu hoàn thành hoặc vượt chỉ tiêu đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp. Tổng chỉ tiêu Chính phủ giao cho các

địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030 là 899.857 căn, gồm 708.834 căn nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua và 191.023 căn nhà ở cho thuê.

Trong đó, một số địa phương được giao chỉ tiêu lớn như: TP. Hồ Chí Minh 181.257 căn; Hà Nội 84.000 căn; Đồng Nai 60.054 căn; Hải Phòng 32.850 căn; Đà Nẵng 26.279 căn; Cần Thơ 13.250 căn; Huế 10.600 căn. Chính phủ yêu cầu các địa phương căn cứ chỉ tiêu được giao, chủ động tổ chức thực hiện, phân đấu hoàn thành hoặc vượt chỉ tiêu, góp phần thực hiện mục tiêu chung của cả nước.

Việc điều chỉnh mục tiêu theo hướng tăng cường phát triển nhà ở cho thuê nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về chỗ ở của người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; đồng thời từng bước cân đối lại cơ cấu sản phẩm nhà ở xã hội, tạo điều kiện để người lao động có thêm cơ hội tiếp cận nhà ở phù hợp với khả năng chi trả.

Theo Bộ Xây dựng, trước đó, đến giữa năm 2026, cả nước có 866 dự án nhà ở xã hội đang được triển khai với quy mô 757.338 căn, tổng mức đầu tư khoảng 605.870 tỷ đồng; riêng từ đầu năm đến tháng 7/2026 đã có 96 dự án hoàn thành với 27.636 căn.

Để thực hiện mục tiêu đề ra, các địa phương cần tập trung triển khai chỉ tiêu được giao, đồng thời chú trọng bố trí quỹ đất sạch, huy động nguồn lực xã hội, thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê. Qua đó góp phần bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện điều kiện nhà ở và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

8. Quyết liệt triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong chống khai thác IUU

Ngày 13/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng, Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), phát triển bền vững ngành thủy sản, chủ trì phiên họp lần thứ 36 của Ban Chỉ đạo nhằm đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU; đồng thời xác định những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung triển khai trong thời gian tới, hướng tới mục tiêu sớm gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu (EC).

Những chuyển biến trong thực hiện các khuyến nghị của EC

Thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo quốc gia đã tập trung chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ nhiều giải pháp

chống khai thác IUU, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý đội tàu, kiểm soát hoạt động khai thác và truy xuất nguồn gốc thủy sản.

Sau đợt thanh tra lần thứ 5, EC đưa ra 38 khuyến nghị cần khắc phục. Đến ngày 30/9/2026, Việt Nam đã thực hiện 31 khuyến nghị, có kết quả kiểm chứng cụ thể; 7 khuyến nghị còn lại đang tiếp tục được tập trung xử lý.

Công tác quản lý đội tàu và kiểm soát hoạt động khai thác có những kết quả tích cực. Cả nước có 80.003 tàu cá từ 6m trở lên được đăng ký trên cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase), tỷ lệ tàu cá có giấy phép khai thác còn hạn đạt khoảng 96%. Đối với tàu cá từ 15m trở lên, có 27.238/27.520 tàu đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS).

Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ trong quản lý, giám sát và truy xuất nguồn gốc thủy sản tiếp tục được đẩy mạnh. Tính đến cuối tháng 9/2026, hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác điện tử (eCDT) ghi nhận 330.245 lượt tàu cá rời cảng và 320.432 lượt tàu cá cập cảng. Những kết quả này góp phần nâng cao khả năng kiểm soát hoạt động khai thác, từng bước minh bạch hóa nguồn gốc thủy sản theo yêu cầu chống khai thác IUU.

Tập trung xử lý dứt điểm những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác chống khai thác IUU vẫn còn những hạn chế cần tập trung khắc phục: *Tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài chưa được xử lý dứt điểm; việc xử lý các cảnh báo mất kết nối VMS và hoàn thiện hồ sơ thực thi pháp luật tại một số địa phương chưa đồng đều.* Những tồn tại này ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, giám sát hoạt động khai thác và khả năng đáp ứng các yêu cầu kiểm tra, xác minh của EC.

Trước yêu cầu cấp bách về tháo gỡ cảnh báo “thẻ vàng”, nhiệm vụ đặt ra không chỉ là hoàn thành các khuyến nghị còn lại mà còn phải bảo đảm kết quả thực hiện thực chất, có đầy đủ dữ liệu, hồ sơ và bằng chứng kiểm chứng. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục thực hiện mục tiêu “5 không”: (1) không phát sinh tàu cá bị nước ngoài bắt giữ; (2) không để tàu không đủ điều kiện hoạt động; (3) không để vi phạm VMS bị bỏ sót hoặc kéo dài; (4) không để lô hàng thủy sản không truy xuất được nguồn gốc; (5) không để số liệu báo cáo sai lệch so với dữ liệu, hồ sơ thực tế.

Nâng cao trách nhiệm, bảo đảm hiệu quả thực thi

Kết luận phiên họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng yêu cầu người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo khắc phục dứt điểm

những tồn tại, điểm nghẽn trong chống khai thác IUU; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu và kết quả thực hiện. Các nhiệm vụ phải được phân công cụ thể, xác định rõ trách nhiệm, thời hạn hoàn thành, bảo đảm kết quả có thể kiểm tra, đối chiếu và xác minh.

Các bộ, ngành Trung ương cần thường xuyên cập nhật, hoàn thiện báo cáo gửi EC; tăng cường kiểm tra, xác minh kết quả thực hiện tại địa phương; đẩy mạnh tuần tra, kiểm soát trên biển, kịp thời ngăn chặn tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài và các hành vi gian lận thiết bị giám sát hành trình. Đồng thời, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tăng cường kiểm soát những lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Liên minh châu Âu (EU) có dấu hiệu bất thường.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao thành lập đầu mối thường xuyên tiếp nhận, trao đổi, làm rõ các vấn đề EC yêu cầu phản hồi; các bộ, ngành liên quan chủ động phối hợp, bảo đảm thông tin thống nhất, đầy đủ và kịp thời.

Đối với các địa phương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh phải trực tiếp chỉ đạo công tác chống khai thác IUU; tập trung chuẩn hóa dữ liệu tàu cá, quản lý chặt chẽ tàu không đủ điều kiện hoạt động, thực hiện nghiêm các quy định về giám sát hành trình, truy xuất nguồn gốc thủy sản và xử lý dứt điểm các vi phạm. Cùng với các giải pháp quản lý, cần ưu tiên đầu tư hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, triển khai chính sách chuyển đổi sinh kế bền vững cho ngư dân, từng bước nâng cao hiệu quả và tính bền vững của hoạt động khai thác thủy sản.

Việc khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế, nâng cao trách nhiệm của từng cấp, từng ngành và người đứng đầu là yêu cầu xuyên suốt trong thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU. Qua đó, góp phần đáp ứng đầy đủ các khuyến nghị của EC, sớm tháo gỡ cảnh báo “thẻ vàng”, nâng cao uy tín thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế và thúc đẩy phát triển ngành thủy sản theo hướng có trách nhiệm, minh bạch, bền vững.

9. Quảng Ngãi đứng thứ 17 về tăng trưởng GRDP trong 9 tháng năm 2026

Theo Cục Thống kê, GRDP của tỉnh Quảng Ngãi 9 tháng năm 2026 ước đạt 117.629 tỷ đồng theo giá so sánh năm 2020, tăng 9,16% so với cùng kỳ năm 2025. Với mức tăng trưởng này, Quảng Ngãi xếp thứ 17/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thứ 5/11 tỉnh, thành phố khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; thứ 3/6 tỉnh, thành phố thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Kết quả trên cho thấy kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá,

tạo nền tảng quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Trong quý III/2026, GRDP của tỉnh ước đạt 42.898 tỷ đồng, tăng 9,34% so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, khu vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục là động lực quan trọng của tăng trưởng khi tăng 15,60%, trong đó công nghiệp tăng 18,18%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,68%; khu vực dịch vụ tăng 6,81%.

Tính chung 9 tháng, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 46.366 tỷ đồng, tăng 14,41%, đóng góp 5,42 điểm phần trăm vào mức tăng GRDP chung. Trong đó, riêng ngành công nghiệp đạt 39.918 tỷ đồng, tăng 17,70%, đóng góp 5,57 điểm phần trăm. Khu vực dịch vụ đạt 36.738 tỷ đồng, tăng 7,98%, đóng góp 2,52 điểm phần trăm; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 19.542 tỷ đồng, tăng 4,08%, đóng góp 0,71 điểm phần trăm.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế tỉnh. Các ngành công nghiệp chủ lực duy trì đà tăng trưởng tích cực, nhất là sản xuất kim loại tăng 47,55%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 11,97%. Cùng với đó, một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục tăng trưởng khá, góp phần quan trọng vào mức tăng chung của kinh tế tỉnh.

Quy mô GRDP theo giá hiện hành 9 tháng năm 2026 ước đạt 156.521 tỷ đồng. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 66.608 tỷ đồng, chiếm 42,55%; khu vực dịch vụ đạt 45.024 tỷ đồng, chiếm 28,77%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 24.961 tỷ đồng, chiếm 15,95%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 19.928 tỷ đồng, chiếm 12,73%. Cơ cấu trên tiếp tục cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Kết quả tăng trưởng 9 tháng năm 2026 được ghi nhận trong bối cảnh hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ trên địa bàn cơ bản duy trì ổn định, các động lực tăng trưởng tiếp tục được phát huy. Đây là kết quả tích cực, thể hiện sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời tạo thêm động lực để tỉnh tiếp tục khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, thúc đẩy tăng trưởng trong những tháng cuối năm.

Thời gian tới, tỉnh tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và các dự án; phát huy hiệu

qua các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, qua đó phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

10. Nông nghiệp Quảng Ngãi chuyển mạnh sang phát triển theo hướng hiện đại, bền vững

Giai đoạn 2021 - 2025, vượt qua nhiều khó khăn, ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi có bước phát triển tích cực; các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chuyển dịch theo đúng định hướng, cơ cấu sản phẩm ngày càng đa dạng, chất lượng được nâng lên. Giá trị tổng sản phẩm (GRDP) khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ hơn 12,3 nghìn tỷ đồng năm 2020 lên hơn 15,4 nghìn tỷ đồng năm 2025, cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của khu vực nông nghiệp đối với phát triển kinh tế của tỉnh.

Một chuyển biến quan trọng là tư duy phát triển nông nghiệp từng bước được đổi mới, từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; từ chú trọng sản lượng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả; từ tăng trưởng đơn giá trị sang tích hợp đa giá trị. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao gắn với chuyển đổi số trên các cây trồng chủ lực, hướng tới nâng cao năng suất, chất lượng, truy xuất nguồn gốc và hiệu quả sản xuất. Đến cuối năm 2025, hơn 30 nghìn héc ta được ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; gần 2.700ha cây trồng được chứng nhận theo các tiêu chuẩn. Toàn tỉnh có 6 mã số cơ sở đóng gói và 69 mã số vùng trồng còn hiệu lực, trong đó có 44 mã số vùng trồng xuất khẩu và 25 mã số vùng trồng tiêu thụ nội địa.

Liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong xây dựng chuỗi giá trị tiếp tục được chú trọng, nhất là đối với các sản phẩm có giá trị kinh tế và tiềm năng thị trường. Tại khu vực phía Tây của tỉnh, hơn 1.165 hộ gia đình, 30 nhóm hộ, tổ liên kết và 5 doanh nghiệp tham gia sản xuất, xuất khẩu sâm Ngọc Linh với tổng diện tích gần 3.300ha, trong đó doanh nghiệp trồng gần 2.900ha; gần 4.700ha đẳng sâm (sâm dây) được liên kết trồng tại các xã Kon Plông, Đăk Pék, Ngọc Linh, Tu Mơ Rông, Măng Ri. Việc tăng cường liên kết giúp người dân tiếp cận thông tin, khoa học, kỹ thuật, từng bước thay đổi phương thức sản xuất, tạo ra sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, nhất là thị trường được liệu.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được quan tâm, góp phần bảo vệ hiệu quả hơn 1,14 triệu héc ta rừng và đất lâm nghiệp; diện tích có rừng hơn 881,6 nghìn héc ta, tỷ lệ che phủ rừng đạt gần 59,5%. Đây là nền tảng quan trọng để tỉnh phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển sinh kế bền vững cho người dân.

Chăn nuôi từng bước phát triển theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn dịch bệnh và thân thiện với môi trường. Toàn tỉnh hiện có gần 250 cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại có hệ thống xử lý chất thải, nước thải khép kín, tuần hoàn; 16 giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi heo đối với trang trại quy mô lớn và 7 trang trại được cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Cùng với đó, ngành đã hoàn thành các nội dung của phần mềm cơ sở dữ liệu chăn nuôi và thú y, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho người dân và doanh nghiệp.

Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tiếp tục tạo chuyển biến tích cực trong tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế khu vực nông thôn. Toàn tỉnh hiện có 521 sản phẩm OCOP còn thời hạn, gồm 2 sản phẩm đạt OCOP 5 sao, 51 sản phẩm đạt 4 sao và 468 sản phẩm đạt 3 sao; 100% sản phẩm OCOP có mã QR. Các sản phẩm được đưa lên sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi và một số sàn thương mại điện tử khác; toàn tỉnh có 33 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, trong đó có 21 điểm xã hội hóa, cùng 19 điểm bán hàng “Tinh hoa hàng Việt Nam” theo mô hình của Bộ Công Thương. Qua đó, từng bước mở rộng thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm và thúc đẩy chuyển đổi phương thức tiêu thụ nông sản.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp vẫn còn một số hạn chế như chuyển đổi cơ cấu cây trồng chưa ổn định; đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm; cơ giới hóa chưa đồng bộ, nhất là ở các khâu gieo sạ, trồng và chăm sóc. Chi phí đầu tư cho nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn lớn, ảnh hưởng đến khả năng thu hút đầu tư. Giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh thu hút 20 dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, với tổng vốn đăng ký hơn 3.553 tỷ đồng; hình thành mới 13 cơ sở chế biến sâu, nâng tổng số nhà máy, cơ sở chế biến nông sản lên 37 đơn vị.

Thời gian tới, ngành Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; gắn nông nghiệp với du lịch nông nghiệp, nông nghiệp giải trí và truyền thông sản phẩm; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản. Trong đó, chuyển đổi số được xác định là nền tảng và động lực quan trọng để xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, minh bạch và bền vững. Việc số hóa, kết nối dữ liệu sẽ giúp cơ quan quản lý theo dõi sát tình hình sản xuất, kịp thời đưa ra các giải pháp kỹ thuật, đồng thời hình thành các vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Cùng với ứng dụng khoa học, công nghệ và tổ chức sản xuất theo hướng liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp, tỉnh tiếp tục tranh thủ các nguồn lực đầu tư

xây dựng cơ sở dữ liệu, thúc đẩy kinh tế số trong từng lĩnh vực; xây dựng, áp dụng các chương trình quản lý chất lượng tiên tiến, quy trình sản xuất tốt, bảo đảm minh bạch, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, đẩy mạnh xây dựng bản đồ số vùng trồng, ứng dụng GIS, AI, IoT và công nghệ Blockchain trong truy xuất nguồn gốc, qua đó nâng cao tính minh bạch của dữ liệu, tạo niềm tin cho thị trường và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Đây là hướng đi quan trọng để nông nghiệp Quảng Ngãi chuyển từ phát triển dựa vào sản lượng sang nâng cao giá trị, chất lượng và sức cạnh tranh, hướng tới nền nông nghiệp xanh, hiện đại và phát triển bền vững.

II. MỘT SỐ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI VÀ THỜI SỰ QUỐC TẾ

1. Dấu ấn Việt Nam trong gần 50 năm đồng hành cùng Liên Hợp quốc

Ngày 20/9/1977, Việt Nam chính thức gia nhập Liên hợp quốc (LHQ), trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức quốc tế lớn nhất toàn cầu. Gần 50 năm qua, quan hệ Việt Nam - LHQ đã không ngừng phát triển, từ chỗ Việt Nam là một quốc gia nhận sự hỗ trợ quốc tế để khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi và tái thiết đất nước, đến việc chủ động, tích cực tham gia và có những đóng góp ngày càng thực chất vào công việc chung của LHQ. Quá trình này thể hiện rõ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Việt Nam, đồng thời khẳng định vai trò, trách nhiệm và vị thế ngày càng cao của Việt Nam trong các cơ chế đa phương toàn cầu.

Trong những năm đầu sau khi đất nước thống nhất, các tổ chức thuộc hệ thống LHQ đã tích cực hỗ trợ Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi, tái thiết đất nước và cải thiện đời sống nhân dân. Cùng với quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam từng bước chuyển từ vị thế thụ hưởng sang chủ động tham gia, đóng góp vào các chương trình nghị sự chung, đồng thời tận dụng hiệu quả các cơ chế hợp tác đa phương để tiếp cận tri thức, nguồn lực và các chuẩn mực quốc tế phục vụ phát triển. Sự tham gia ngày càng tích cực tại LHQ cũng góp phần mở rộng, làm sâu sắc quan hệ đối ngoại, nâng cao năng lực thể chế, quản trị và tạo thêm không gian để bảo vệ, thúc đẩy lợi ích quốc gia - dân tộc bằng các biện pháp hòa bình.

Một dấu ấn nổi bật là Việt Nam ngày càng tham gia sâu rộng vào các cơ quan quan trọng của LHQ. Việt Nam đã 2 lần đảm nhiệm vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ, nhiệm kỳ 2008 - 2009 và 2020 - 2021; 3 nhiệm kỳ là thành viên Hội đồng Nhân quyền, gồm các nhiệm kỳ 2014 - 2016, 2023 - 2025 và 2026 - 2028; 2 nhiệm kỳ tham gia Hội đồng Kinh tế và Xã hội LHQ, giai đoạn 1998 - 2000 và 2014 - 2016; đồng thời từng giữ cương vị Phó Chủ

tịch Đại hội đồng LHQ khóa 77. Việt Nam cũng tham gia nhiều cơ quan chuyên môn của LHQ và các thiết chế quốc tế liên quan, trong đó có Ủy ban Luật pháp quốc tế nhiệm kỳ 2017 - 2022 và 2023 - 2027, Ủy ban Pháp lý và Kỹ thuật của Cơ quan quyền lực đầy đại dương nhiệm kỳ 2023 - 2027.

Không chỉ tham gia các cơ chế của LHQ, Việt Nam còn từng bước đóng góp vào quá trình xây dựng luật lệ, chuẩn mực và chương trình nghị sự toàn cầu. Năm 2025, Việt Nam lần đầu tiên đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội nghị lần thứ 35 các quốc gia thành viên Công ước LHQ về Luật Biển; năm 2026 đảm nhiệm cương vị Chủ tịch Hội nghị kiểm điểm Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân lần thứ 11. Việt Nam cũng đưa ra nhiều sáng kiến được LHQ thông qua, như các nghị quyết của Hội đồng Bảo an về vai trò của phụ nữ trong bối cảnh hậu xung đột và bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với người dân trong xung đột; các nghị quyết của Đại hội đồng về Ngày quốc tế Phòng chống dịch bệnh, Ngày quốc tế Vui chơi và Thập kỷ quốc tế về Văn hóa vì Phát triển bền vững 2027 - 2036. Việt Nam cũng khởi xướng Nhóm bạn bè Công ước LHQ về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS).

Trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình, Việt Nam thể hiện rõ tinh thần là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã cử gần 1.400 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia thực hiện nhiệm vụ tại các phái bộ LHQ ở Nam Sudan, Cộng hòa Trung Phi và khu vực Abyei. Những đóng góp của lực lượng Việt Nam không chỉ góp phần thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình, bảo vệ người dân và hỗ trợ các quốc gia khắc phục hậu quả xung đột, mà còn góp phần lan tỏa hình ảnh đất nước, con người Việt Nam yêu chuộng hòa bình, có trách nhiệm và tích cực đóng góp cho cộng đồng quốc tế.

Việt Nam cũng tích cực tham gia giải quyết các vấn đề phát triển toàn cầu. Việt Nam đã tham gia thực hiện các chương trình nghị sự phát triển quan trọng của LHQ, nhất là Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, các Mục tiêu Phát triển bền vững và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Việt Nam đồng thời là một trong 8 nước thí điểm triển khai sáng kiến “Thống nhất hành động - Một LHQ”, nhằm tăng cường tính thống nhất và hiệu quả hoạt động của các tổ chức LHQ tại Việt Nam. Ngôi nhà Xanh chung LHQ tại Hà Nội, khánh thành năm 2015, là một trong những kết quả cụ thể của sáng kiến này và là Ngôi nhà chung LHQ đầu tiên thân thiện với môi trường.

Ở chiều ngược lại, sự hiện diện của hệ thống LHQ tại Việt Nam tiếp tục mang lại những hỗ trợ thiết thực cho quá trình phát triển đất nước. Hiện có 15 cơ quan LHQ có đại diện thường trú tại Việt Nam, hoạt động trong nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, lao động, di cư, bình đẳng giới, phát triển đô thị, môi trường, giáo dục, y tế, công nghiệp và phòng, chống tội phạm. Các tổ chức LHQ đã tham gia hỗ

trợ huy động nguồn lực, tư vấn chính sách, cung cấp tri thức, chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực cho Việt Nam, đạt nhiều kết quả trong giảm nghèo, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, tăng trưởng xanh và chuyển đổi số.

Một dấu mốc mới trong quan hệ Việt Nam - LHQ là việc Việt Nam đăng cai Lễ mở ký Công ước LHQ về chống tội phạm mạng tại Hà Nội vào tháng 10/2025, với sự tham dự của Tổng Thư ký LHQ António Guterres. Sự kiện này cho thấy Việt Nam không chỉ tham gia thực hiện các chương trình nghị sự quốc tế mà còn ngày càng chủ động đóng góp vào quá trình xây dựng các khuôn khổ hợp tác mới nhằm ứng phó với những thách thức toàn cầu.

Với những đóng góp ngày càng thực chất, Việt Nam hiện xếp thứ 49 trong số 193 quốc gia về mức đóng góp ngân sách thường xuyên cho LHQ, đồng thời đóng góp hàng triệu USD cho các hoạt động cứu trợ nhân đạo của các cơ quan LHQ. Những đóng góp đó phản ánh sự chuyển biến từ một quốc gia từng nhận hỗ trợ quốc tế sang một thành viên chủ động chia sẻ trách nhiệm và nguồn lực với cộng đồng quốc tế.

Hướng tới năm 2027, khi Việt Nam kỷ niệm 50 năm gia nhập LHQ, quan hệ Việt Nam - LHQ đứng trước những cơ hội hợp tác mới. Theo Điều phối viên thường trú LHQ tại Việt Nam Pauline Tamesis, Việt Nam đang ngày càng chuyển từ vị thế thụ hưởng hợp tác quốc tế sang chủ động đóng góp vào các giải pháp toàn cầu, thông qua hoạt động gìn giữ hòa bình, tham gia Hội đồng Nhân quyền, Hội đồng Bảo an và các cơ chế đa phương khác, cùng những cam kết về phát triển bền vững, hành động vì khí hậu và quản trị trí tuệ nhân tạo.

Gần nửa thế kỷ đồng hành cùng LHQ cho thấy Việt Nam ngày càng khẳng định vai trò là thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Từ tham gia gìn giữ hòa bình, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, đóng góp cho phát triển bền vững đến tham gia xây dựng luật lệ, chuẩn mực và sáng kiến toàn cầu, những dấu ấn của Việt Nam tại LHQ góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước, đồng thời tạo thêm điều kiện thuận lợi để bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và phục vụ mục tiêu phát triển đất nước. Đây cũng là cơ sở để Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò, đóng góp thiết thực hơn vào hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

2. Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ tiếp tục phát triển trên nhiều lĩnh vực

Kể từ khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao năm 1995, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã không ngừng phát triển trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, sau khi hai nước nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát

triển bền vững vào tháng 9/2023, quan hệ song phương tiếp tục được thúc đẩy toàn diện, thực chất trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại - đầu tư, quốc phòng - an ninh, giáo dục, khắc phục hậu quả chiến tranh và giao lưu nhân dân.

Hai nước đang tích cực triển khai khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện được xác lập từ tháng 9/2023. Các hoạt động tiếp xúc cấp cao tiếp tục được thúc đẩy. Trong năm 2026, Tổng Bí thư Tô Lâm gặp Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump tại Nhà Trắng nhân dịp dự phiên họp khai mạc Hội đồng Hòa bình về Gaza; Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình thăm Hoa Kỳ nhằm thúc đẩy hợp tác về trung tâm tài chính quốc tế; Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Hoài Trung gặp Ngoại trưởng Hoa Kỳ Marco Rubio. Hoa Kỳ cũng cử nhiều đoàn cấp Thứ trưởng trở lên thăm Việt Nam, trong đó có Bộ trưởng Chiến tranh Pete Hegseth, Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách Đông Á và Thái Bình Dương Michael DeSombre, Quyền Bộ trưởng Hải quân Hùng Cao, Phó Ngoại trưởng Christopher Landau, Phó Đại diện Thương mại Rick Switzer và Tư lệnh Bộ Chỉ huy Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Hoa Kỳ.

Hai bên tiếp tục duy trì các cơ chế đối thoại thường kỳ như Đối thoại Chính sách Quốc phòng Việt Nam - Hoa Kỳ, Đối thoại An ninh và Thực thi pháp luật, Đối thoại Chính trị - An ninh - Quốc phòng. Trong các trao đổi, phía Hoa Kỳ tiếp tục khẳng định ủng hộ một nước Việt Nam “mạnh, độc lập, tự cường và thịnh vượng”, coi trọng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ và mong muốn thúc đẩy quan hệ trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thể chế chính trị của nhau.

Kinh tế - thương mại - đầu tư tiếp tục là một lĩnh vực hợp tác nổi bật trong quan hệ song phương. Trong 7 tháng đầu năm 2026, kim ngạch thương mại hai chiều đạt 118 tỷ USD; trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 104,7 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2025; nhập khẩu từ Hoa Kỳ đạt 13,3 tỷ USD, tăng 26%. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, trong khi Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 8 của Hoa Kỳ và là đối tác thương mại lớn nhất của Hoa Kỳ tại ASEAN.

Về đầu tư, Hoa Kỳ hiện đứng thứ 11 trong số 108 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, với khoảng 1.409 dự án, tổng vốn đăng ký trên 11,9 tỷ USD. Ở chiều ngược lại, Hoa Kỳ đứng thứ 7 trong số 80 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, với 230 dự án, tổng vốn đăng ký gần 1,3 tỷ USD. Nhiều doanh nghiệp Hoa Kỳ tiếp tục thể hiện sự quan tâm và mong muốn mở rộng đầu tư tại Việt Nam, trong đó có các tập đoàn công nghệ như HP, NVIDIA; các doanh nghiệp kho vận, chuyển phát như FedEx, UPS và doanh nghiệp năng lượng

Exceleerate Energy. Một số doanh nghiệp Việt Nam như FPT, VinFast cũng đang mở rộng đầu tư tại Hoa Kỳ.

Hợp tác quốc phòng và khắc phục hậu quả chiến tranh tiếp tục được thúc đẩy. Hai nước đã ký bản Cập nhật Tuyên bố Tầm nhìn chung Việt Nam - Hoa Kỳ về hợp tác quốc phòng nhân chuyển thăm Hoa Kỳ của Bộ trưởng Quốc phòng Phan Văn Giang; đồng thời ký Bản ghi nhớ về tăng cường hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh nhân chuyển thăm Việt Nam của Bộ trưởng Chiến tranh Hoa Kỳ Pete Hegseth. Hai bên tiếp tục triển khai các cơ chế đối thoại thường niên và các chương trình hợp tác nhân đạo. Việt Nam đã đón tàu USS Tripoli và USS Robert Smalls thăm Đà Nẵng cuối năm 2025, tàu USS Portland vào tháng 6/2026 và nhóm tàu sân bay USS George Washington thăm Đà Nẵng từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 8/2026.

Khắc phục hậu quả chiến tranh tiếp tục là một nội dung hợp tác quan trọng, tập trung vào tìm kiếm quân nhân Hoa Kỳ, tìm kiếm liệt sĩ Việt Nam, xử lý dioxin, rà phá bom mìn và hỗ trợ người khuyết tật. Hai bên cũng tiếp tục hợp tác về an ninh, thực thi pháp luật và phòng, chống các loại tội phạm xuyên biên giới như ma túy, rửa tiền, buôn người và tội phạm mạng. Tại sân bay Biên Hòa vào tháng 9/2025, hai bên đã bàn giao 6 ha đất được xử lý sạch dioxin, khởi công hệ thống công nghệ nhiệt xử lý dioxin và ký thỏa thuận bổ sung 32 triệu USD vốn ODA không hoàn lại để mở rộng dự án hỗ trợ cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật. Chương trình đã hỗ trợ hơn 32.000 người khuyết tật tại các địa phương.

Hợp tác giáo dục tiếp tục được mở rộng, trong đó có đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp bán dẫn. Hiện Việt Nam có 6 cơ sở giáo dục phổ thông và Trường Đại học Fulbright tại Thành phố Hồ Chí Minh có vốn đầu tư của Hoa Kỳ. Hai bên tiếp tục triển khai các nội dung hợp tác theo Tuyên bố chung, Kế hoạch Hành động triển khai quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện và các bản ghi nhớ về giáo dục - đào tạo, văn hóa và quan hệ nhân dân.

Hoa Kỳ cũng tích cực hỗ trợ Việt Nam đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học thông qua các chương trình hợp tác giáo dục - đào tạo, trong đó có Chương trình giảng dạy tiếng Anh của Chương trình Hòa bình (PC). Việt Nam đã đón 4 đợt tình nguyện viên Chương trình Hòa bình vào các năm 2022, 2023, 2024 và 2025; hai bên gia hạn Hiệp định thực thi về giảng dạy tiếng Anh của chương trình này vào tháng 8/2025. Một số dự án của doanh nghiệp Hoa Kỳ trong các lĩnh vực chuyển đổi xanh, năng lượng tái tạo và ứng phó với biến đổi khí hậu tiếp tục được thúc đẩy.

Hợp tác giữa các địa phương và giao lưu nhân dân cũng ngày càng được mở rộng giữa Việt Nam với nhiều bang, thành phố của Hoa Kỳ. Nhiều địa phương hai nước đã ký các bản ghi nhớ hợp tác hoặc thiết lập quan hệ kết nghĩa; các đoàn lãnh đạo địa phương hai bên tiếp tục duy trì hoạt động thăm, kết nối và quảng bá đầu tư, góp phần tăng cường hiểu biết, thúc đẩy hợp tác giữa các địa phương và mở rộng nền tảng quan hệ song phương.

Trên các diễn đàn khu vực và quốc tế, Việt Nam và Hoa Kỳ tiếp tục phối hợp trong những vấn đề cùng quan tâm, trong đó có các cơ chế của Liên hợp quốc và ASEAN. Phía Hoa Kỳ tiếp tục khẳng định ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN và đánh giá cao vị trí, vai trò của Việt Nam trong ASEAN, khu vực châu Á - Thái Bình Dương và tại các diễn đàn quốc tế. Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực cho thấy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ tiếp tục được triển khai theo hướng ổn định, thực chất, toàn diện, phù hợp với lợi ích của hai nước, đóng góp vào hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

3. Liên hợp quốc thông qua nghị quyết ủng hộ mực nước biển dâng cao

Ngày 24/9/2026, tại Trụ sở Liên hợp quốc ở New York (Hoa Kỳ), Đại hội đồng Liên hợp quốc đã tổ chức phiên họp cấp cao nhằm ứng phó với các mối đe dọa hiện hữu do mực nước biển dâng. Tại phiên họp, các quốc gia thành viên đã thông qua nghị quyết, kêu gọi tăng cường hành động, hợp tác quốc tế và huy động nguồn lực để ứng phó với tình trạng mực nước biển dâng, đặc biệt đối với các quốc đảo nhỏ đang phát triển và những khu vực ven biển thấp.

Theo Liên hợp quốc, mực nước biển trung bình toàn cầu đang dâng nhanh hơn đáng kể so với trước đây. Trong giai đoạn 1993 - 2002, tốc độ dâng trung bình khoảng 2,1 mm/năm, nhưng đã tăng lên khoảng 4,7 mm/năm trong giai đoạn 2015 - 2024. Riêng năm 2024, mực nước biển trung bình toàn cầu tăng gần 5,9 mm, mức tăng cao bất thường, chủ yếu do đại dương ấm lên làm nước biển giãn nở, cùng với lượng nước bổ sung từ băng tan trên đất liền.

Mực nước biển dâng là hệ quả trực tiếp của biến đổi khí hậu, đang tạo ra những tác động ngày càng rõ rệt đối với đời sống con người, hệ sinh thái và phát triển kinh tế - xã hội. Các khu vực ven biển và quốc đảo thấp đứng trước nguy cơ gia tăng ngập lụt, xói lở bờ biển, xâm nhập mặn, suy giảm đất ở và đất sản xuất; đồng thời gây sức ép đối với cơ sở hạ tầng, sinh kế và an ninh lương thực. Liên hợp quốc cảnh báo, nếu không có các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng hiệu quả, mực nước biển có thể tiếp tục tăng đáng kể trong những thập

niên tới; theo các dự báo khí hậu, đến cuối thế kỷ XXI, mức tăng có thể từ khoảng 0,5 m trở lên, tùy thuộc vào diễn biến phát thải và nhiệt độ toàn cầu.

Tại phiên họp, Tổng Thư ký Liên hợp quốc António Guterres nhấn mạnh tính cấp thiết của việc hành động trước khi những tác động của mực nước biển dâng trở nên nghiêm trọng hơn. Ông kêu gọi các quốc gia đẩy mạnh cắt giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường khả năng chống chịu, đồng thời bảo đảm nguồn tài chính và hỗ trợ cần thiết cho những quốc gia, cộng đồng dễ bị tổn thương. Đây không chỉ là vấn đề môi trường mà còn liên quan trực tiếp đến phát triển bền vững, bảo vệ con người, cơ sở hạ tầng, sinh kế và các giá trị văn hóa của nhiều cộng đồng trên thế giới.

Một nội dung đáng chú ý được đề cập tại phiên họp là những vấn đề pháp lý đặt ra đối với các quốc đảo có nguy cơ mất một phần đáng kể lãnh thổ do nước biển dâng. Nghị quyết khẳng định sự cần thiết phải bảo đảm tính ổn định và liên tục của các quốc gia, đồng thời thúc đẩy việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các nguyên tắc pháp lý quốc tế nhằm ứng phó với những hệ quả có thể phát sinh từ biến đổi đường bờ biển và mất đất do nước biển dâng.

Đại diện các quốc đảo nhỏ nhấn mạnh rằng đối với những quốc gia được bao quanh bởi đại dương, mực nước biển dâng không chỉ là vấn đề môi trường mà còn tác động trực tiếp đến đời sống, lãnh thổ, bản sắc, văn hóa và tương lai phát triển. Liên hợp quốc cũng lưu ý rằng nguy cơ này không chỉ giới hạn ở các đảo quốc mà còn ảnh hưởng đến nhiều đô thị và khu vực ven biển thấp trên toàn cầu.

Các chuyên gia cho rằng cùng với việc giảm phát thải khí nhà kính, cần kết hợp các giải pháp thích ứng phù hợp với từng khu vực, trong đó có các giải pháp dựa vào tự nhiên như phục hồi rừng ngập mặn, bảo vệ hệ sinh thái ven biển và tăng cường năng lực chống chịu của cộng đồng. Những giải pháp này vừa góp phần giảm thiểu tác động của nước biển dâng, sóng và bão, vừa hỗ trợ hấp thụ carbon, bảo vệ đa dạng sinh học và tạo sinh kế bền vững.

Việc Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua nghị quyết về mực nước biển dâng cho thấy cộng đồng quốc tế ngày càng nhận thức rõ hơn tính cấp bách và quy mô toàn cầu của vấn đề. Đây cũng là cơ sở để thúc đẩy hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực, chia sẻ khoa học - công nghệ và kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực thích ứng, nhất là đối với các quốc gia và khu vực dễ bị tổn thương. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, chủ động phòng ngừa, thích ứng và nâng cao khả năng chống chịu có ý nghĩa quan trọng đối với mục tiêu phát triển bền vững của mỗi quốc gia và cộng đồng quốc tế.

4. Hai “kỳ tích lớn” của Trung Quốc trong 77 năm qua

Trong 77 năm kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, ổn định xã hội và đang bước vào giai đoạn mới với mục tiêu xây dựng cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa toàn diện.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 77 năm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tổ chức tại Bắc Kinh chiều 30/9/2026, Chủ tịch Tập Cận Bình nhấn mạnh, trong 77 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc đã lập nên hai “kỳ tích lớn” là phát triển kinh tế nhanh chóng và duy trì ổn định xã hội lâu dài. Trung Quốc đã hoàn thành mục tiêu 100 năm lần thứ nhất là xây dựng xã hội khá giả toàn diện và đang tiến tới mục tiêu 100 năm lần thứ hai là xây dựng cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa toàn diện.

Theo Chủ tịch Tập Cận Bình, từ đầu năm 2026, Đảng và nhân dân Trung Quốc tập trung xây dựng, triển khai Quy hoạch 5 năm lần thứ 15, đồng thời thúc đẩy công tác trên các lĩnh vực. Trong bối cảnh chịu nhiều sức ép, nền kinh tế Trung Quốc vẫn tiến lên, thể hiện sức sống và khả năng thích ứng. Trên cơ sở đó, Trung Quốc xác định tiếp tục kiên trì tiến lên trong ổn định; quán triệt đầy đủ, chính xác và toàn diện quan điểm phát triển mới; đẩy nhanh xây dựng mô hình phát triển mới; tiếp tục đi sâu cải cách, mở cửa; phối hợp tốt hơn giữa phát triển và an ninh; thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững, tích cực, đồng thời bảo đảm và nâng cao đời sống nhân dân. Mục tiêu được đặt ra là hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu của năm 2026, tạo khởi đầu thuận lợi cho việc thực hiện Quy hoạch 5 năm lần thứ 15.

Về các vấn đề liên quan đến Hong Kong, Macao, Chủ tịch Tập Cận Bình nhấn mạnh tiếp tục kiên định thực hiện nguyên tắc “một quốc gia, hai chế độ”, thực hiện phương châm “người Hong Kong quản lý Hong Kong”, “người Macao quản lý Macao” với mức độ tự trị cao; ủng hộ Hong Kong và Macao hội nhập tốt hơn vào sự phát triển chung của Trung Quốc, duy trì thịnh vượng, ổn định lâu dài. Đồng thời, Trung Quốc chủ trương làm sâu sắc hơn giao lưu, hợp tác hai bờ; kiên quyết đấu tranh với các lực lượng ly khai và chống sự can thiệp từ bên ngoài; thúc đẩy quan hệ hai bờ phát triển hòa bình và thúc đẩy sự nghiệp thống nhất đất nước.

Trong lĩnh vực đối ngoại, Chủ tịch Tập Cận Bình khẳng định Trung Quốc tiếp tục kiên trì chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, thúc đẩy thực hiện 4 sáng kiến toàn cầu và thúc đẩy xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại, qua đó góp phần mang lại thêm sự ổn định và năng lượng tích cực cho một thế giới đang có nhiều biến động.

Những định hướng được nêu tại lễ kỷ niệm 77 năm Quốc khánh cho thấy Trung Quốc bước vào giai đoạn thực hiện Quy hoạch 5 năm lần thứ 15 với trọng tâm tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế, đi sâu cải cách và mở cửa, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa phát triển và an ninh. Đây là những định hướng có ý nghĩa đối với quá trình Trung Quốc tiếp tục theo đuổi mục tiêu hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn mới.

5. Nhật Bản thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh

Nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và hướng tới trung hòa carbon, Nhật Bản xác định tăng trưởng xanh không chỉ là yêu cầu về môi trường mà còn là cơ hội tạo động lực tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Nhật Bản đặt mục tiêu giảm 46% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030 so với năm 2013 và đưa tổng lượng phát thải khí nhà kính về mức bằng “0” vào năm 2050. Chiến lược tăng trưởng xanh được triển khai trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và ứng dụng các công nghệ mới, theo lộ trình phù hợp với trình độ phát triển công nghệ và điều kiện thực tiễn.

Để hiện thực hóa mục tiêu, Nhật Bản tập trung phát triển 14 lĩnh vực chủ chốt có tiềm năng tăng trưởng. Theo ước tính, các lĩnh vực này có thể tạo ra giá trị kinh tế khoảng 290 nghìn tỷ yên vào năm 2050, đồng thời góp phần tạo việc làm cho khoảng 18 triệu người. Cùng với chiến lược ở cấp quốc gia, các địa phương xây dựng kế hoạch tăng trưởng xanh, giảm phát thải và trung hòa carbon phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa bàn.

Tỉnh Yamaguchi là một trong những địa phương tiêu biểu trong triển khai chiến lược tăng trưởng xanh. Đây là địa phương có nhiều khu phức hợp công nghiệp, tập trung các ngành xi măng, hóa chất, công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ và sản xuất phụ tùng ô tô. Năm 2019, tổng lượng phát thải khí nhà kính của tỉnh khoảng 40,45 triệu tấn CO₂, trong đó lĩnh vực công nghiệp chiếm 70,6%. Trên cơ sở điều kiện thực tế, Yamaguchi đặt mục tiêu giảm 35,1% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030 so với năm 2013 và đưa phát thải về mức bằng “0” vào năm 2050.

Để thực hiện mục tiêu trên, Yamaguchi tập trung vào 5 định hướng: (1) đẩy mạnh đổi mới và tạo ra các ngành công nghiệp tăng trưởng; (2) tích cực chuyển đổi kinh doanh/phát triển kinh doanh mới; (3) đẩy mạnh kết hợp với chính sách của Trung ương; (4) chuyển đổi cơ cấu cung cầu năng lượng; (5) hợp tác chặt chẽ giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức tài chính công. Tỉnh triển khai các giải pháp phát triển và sử dụng hydro, amoniac; xây dựng mô hình công nghiệp tuần hoàn, trong đó chất thải, khí thải của doanh nghiệp này có

thể trở thành đầu vào của doanh nghiệp khác; phát triển năng lượng sinh khối; thúc đẩy giao thông xanh, khu công nghiệp carbon thấp và giảm phát thải trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản...

Một điểm đáng chú ý là Yamaguchi gắn tăng trưởng xanh với phát triển các ngành công nghiệp mới, có hàm lượng công nghệ cao. Tỉnh xác định công nghiệp bán dẫn và pin lưu trữ là những lĩnh vực có tiềm năng phát triển, phù hợp với xu hướng xe điện, trí tuệ nhân tạo và yêu cầu giảm phát thải. Tỉnh thành lập Hội đồng Mạng lưới ngành công nghiệp pin lưu trữ và chất bán dẫn để điều phối, xúc tiến đầu tư, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường và nguồn nhân lực. Đồng thời, Yamaguchi tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức công; mở rộng hợp tác quốc tế, nhất là với các đối tác có thế mạnh về bán dẫn và pin lưu trữ.

Để tạo nguồn lực thực hiện, Yamaguchi triển khai các chính sách hỗ trợ đầu tư, nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực và thu hút doanh nghiệp. Tỉnh dành nguồn ngân sách trung và dài hạn 6 tỷ yên cho Quỹ Xây dựng xã hội không phát thải và Quỹ Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển độc lập nhằm hỗ trợ các công nghệ liên quan đến trung hòa carbon. Đối với các dự án nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tỉnh có chính sách hỗ trợ tới 2/3 tổng chi phí, mức tối đa 30 triệu yên, trường hợp đặc biệt có thể lên tới 100 triệu yên.

Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy, tăng trưởng xanh cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, gắn mục tiêu giảm phát thải với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển các ngành công nghiệp mới. Đối với Việt Nam, có thể quan tâm một số định hướng lớn: xây dựng và thực hiện lộ trình tăng trưởng xanh, trung hòa carbon phù hợp điều kiện từng địa phương; phát triển khu công nghiệp sinh thái, công nghiệp xanh và kinh tế tuần hoàn; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và các ngành công nghiệp công nghệ cao; tăng cường liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học; đồng thời chú trọng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và mở rộng hợp tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ, đầu tư xanh. Đây là những định hướng có ý nghĩa tham khảo trong quá trình thực hiện cam kết đưa phát thải ròng về “0” vào năm 2050 của Việt Nam.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY